

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LÝ PHAM - LÊ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 1 11 1938
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu):
MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 218 Hoàng-văn-Chu F4 Quận Tân
(Dia chi tai Viet-Nam) Bình TP. Hồ-Chí-Minh.
POLI ICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 14-6-1975 To (Den): 31-1-1981
PLACE OF RE-EDUCATION: Học Môn - Tân Hiệp, Bù Đốp - Bù Gia Mập
CAMP (Trai tu) Mình Hùng tr' tại Tân Hiệp
PROFESSION (Nghe nghiep): (Hiếu tại) Máy
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Không
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): THAM Quân Tiếp Vận (Ajun) Q.T. Cấp IV (TT)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng Quân Tiếp Vận TTHL
Cao Lãnh KBC6034 Date (Nam): 1964 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): 041325
No (Khong):
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 07
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi :
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 214/1 Hoàng-văn-Chu F4 Q.
Tân Bình (Sở nhà Cu 218) TP. HCM.
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LÊ-THỊ-ĐẠO Westminster, CA
92683 Hoa Kỳ
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột
NAME & SIGNATURE: LÊ-PHAM-LÝ
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai của nguoi dien don nay) 214/1 (Sở nhà
Cu 218) Hoàng-văn-Chu F4 Q. Tân Bình
DATE: 3 8 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Lý
Lê-Pham-Lý

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(listed on page 1)

	NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1	NGUYỄN THỊ-KIM-THOA	11-9-1943	Vợ
2	LÊ-NGUYỄN-TRINH-NGUYỄN	23-9-1965	Con gái
3	LÊ-NGUYỄN-TRINH-NGUYỄN	23-9-1966	"
4	LÊ-NGUYỄN-VÂN-THUY (H'lene)	15-11-1968	"
5	LÊ-PHAM-NGUYỄN	22-5-1971	Con trai
6	LÊ-NGUYỄN-BĂNG-CHÂU	3-4-1972	Con gái
7	LÊ-NGUYỄN-NGUYỄN-VŨ	24-10-1973	Con trai

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LY PHAM LE
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE PLACE OF BIRTH : 1 11 1938
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : 218 Hoàng-vân Chu F4 Quận Tân Bình
 (Dia chi tai Viet-Nam) TP. Hồ-Chí-Minh.
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 14-6-1975 To (Den): 21-1-1981
 PLACE OF RE-EDUCATION: Học Môn-Tân Hiệp - Bù Đốp - Bù Gia Mập
 CAMP (Trai tu) Ninh-Hung, Trại lại Tân Hiệp.
 PROFESSION (Nghe nghiep): (Hiệp tá) May
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Không
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Tham Mưu Tiếp Vận (Đuỵ) Q.T. Cao Cấp T-Vân (TTA)
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Tham Mưu Tiếp Vận TT#1
Cao Lãnh KBC 6034 Date (nam): 1964-1975
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): 041325
 No (Khong): _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 07
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lạc tai VN): 214/1 Hoàng-vân-Chu F4 Q
Tân Bình (Số nhà Cũ 218) TP. HCM
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LE-THI-ĐẠO Westminster CA
92683 Hoa Kỳ
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột
 NAME & SIGNATURE: LE-PHAM-LY
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 214/1 (Số nhà Cũ
218 Hoàng-vân-Chu F4 Q. Tân Bình TP. HCM
 DATE: 3 8 1990
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Ly
Ly-Pham-Ly

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 NGUYỄN-THỊ-KIM-THOÀ	11-9-1948	vợ
2 LÊ-NGUYỄN-TRÌNH-NGUYỄN	23-9-1965	Con gái
3 LÊ-NGUYỄN-TRÌNH-YẾN	23-9-1966	"
4 LÊ-NGUYỄN-VĂN-THUY (H'lem)	15-11-1968	"
5 LÊ-PHẠM-NGUYỄN	22-5-1971	Con trai
6 LÊ-NGUYỄN-BĂNG-CHÂU	3-4-1972	Con gái
7 LÊ-NGUYỄN-NGUYỄN-VUU	24-10-1973	Con trai

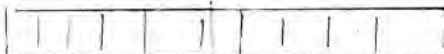
DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trái: Tân hiệp
Số: 146/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001- QLTD
Ban hành theo
công văn số 2565
Ngày 21/11/1972



SHSLP

GIẤY RA TRAI



Theo thống tư số 966-BA/IT, ngày 21-5-1961 của Bộ công an
Thủ hành ấn văn, quyết định tha số: 09 Ngày 12 tháng 01 năm 1981

Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: Lê Phạm Ly

Họ, tên thường gọi: _____

Họ, tên bí danh: _____

Sinh ngày _____ tháng _____ Năm 1938

Nơi sinh: Nam Định đến trình diện

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 218 Hoàng Văn
Thụy - Tân Lĩnh - Lai Sơn.

Cán tội: Chiếm tã - Khoa viên quân tử

Bị bắt ngày 14-6-75 bị phạt trời

Theo quyết định án văn số: _____ Ngày _____ Tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ Năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Cư trú tại: 218 Hoàng Văn Thụy - quận Tân Lĩnh - TP. Hà Nội
Minh

át quá trình cải tạo: _____

Quản cơ 12 Tháng



ngón trỏ phải

Phạm Ly

Số: 75/18

Tân hiệp

Họ, tên, chữ ký

Người được cấp giấy

11/gày 3/tháng 1 năm 1981

Giám thị

Chợ
Lê - phạm - ly

Phạm Ngọc Dương





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số.....32.....
Quyển số...01.....

Huyện, Quận TX.....CE.....
Tỉnh, Thành phố ĐỒNG THÁP

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ NGUYỄN TRINH NGUYỄN Nam hay nữ NỮ
Ngày, tháng, năm sinh 25-03-1965
(NGÀY THAI RA , THÁNG CHÍN , NĂM KIỆT CHÍN SÁU LƯU)
Nơi sinh TÂN AN , KIÊN PHONG
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>NGUYỄN THỊ KIM THOA</u>	<u>LÊ PHẠM LÍ</u>
Tuổi	<u>1943</u>	<u>1938</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	<u>KINH</u>
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>NỘI TRỢ</u>	<u>THỢ MAY</u>
Nơi thường trú	<u>SN.218, F.4, TÂN BÌNH</u> <u>HOÀNG VĂN THỤ, TP.HCM</u>	<u>SN.218, F.4, TÂN BÌNH</u> <u>HOÀNG VĂN THỤ, TP.HCM</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

LÊ PHẠM LÍ, NGUYỄN SN.218, PHƯỜNG 4, TÂN BÌNH, HOÀNG VĂN
THỤ, TP.HCM, CMND SỐ :

Đăng ký ngày 07 tháng 03 năm 19 90
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

LÊ PHẠM LÍ

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 07 tháng 03 năm 1990
T/M UBND

ký tên, đóng dấu

H. CHỦ TỊCH



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Vĩnh Long

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Tịnh-Thới

Sa-Dào

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1943
(Année)

SỐ HIỆU 128
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Nguyễn-thị-kim-Thoa</u>
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	<u>Gái</u>
Sanh ngày nào. (Date de naissance)	<u>Le 11 Septembre 1943</u>
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	<u>Làng Tịnh-Thới</u>
Tên, họ cha. (Nom et prénom du père)	<u>Nguyễn-văn-Tân</u>
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>Làng Tịnh-Thới</u>
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	<u>Nguyễn-thị-Liêng</u>
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>Làng Tịnh-Thới</u>
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	<u>Không hôn-thú</u>

Chúng tôi, Nguyễn-Tiến-Đồng
(Nous)

Chánh-án Tòa Vĩnh Long
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Võ-Thanh-Liêm
(M.)

Chánh Lục-Sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal.)

Vĩnh Long ngày 17/7 196 4



Giá tiền 5000

(Coût)

Biên-lai số: 11220

(Quittance no)

L/4

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Vĩnh Long ngày 17/7 196 4



CHÁNH LỤC-SỰ,
(RE GREFFIER EN CHEF)



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH KIẾN-PHONG
QUẬN Cao-Lãnh
XÃ Tân-An

SỐ _____

Chứng-Chỉ Sống Chung

XÃ-TRƯỞNG XÃ Tân-An

CHỨNG NHẬN

ÔNG : Lê -Phạm -Lý
Căn-cước số 05825506 ấp tại Kiến-Phong ngày 16-7-1970
Nghề nghiệp Quản-nhân sinh ngày 11-01-1938
Và vợ là Bà Nguyễn-Thị-Kim-Thoa Lê Thoa
Sanh ngày 11-09-1943 tại Tịnh-Thới (KP) do hôn thú số 122
Lập ngày 05-10-1964 tại Tân-An

CÙNG CÁC CON KẾ SAU :

1. Lê-Nguyễn-Trình-Nguyên sinh ngày 23-9-1965 tại Xã-Tân-An
do giấy khai sinh số 70
2. Lê-Nguyễn-Trình-Yên sinh ngày 23-09-1966 tại Xã Tân-An
do giấy khai sinh số 222
3. Lê-Phạm-Nguyễn-Bắc-Nam sinh ngày 29-10-1967 tại Tân-Sơn Hòa
Gia-Đinh Sài-Gòn do giấy khai sinh số 1586(1686)
4. Lê-Nguyễn-Vân-Thủy (Hỏi ên) sinh ngày 15-11-1968 tại Bảo-Sanh-Viện
Kiến-Phong do giấy khai sinh số 1738
5. Lê-Phạm-Nguyễn sinh ngày 22-5-1971 tại Xã Tân-An
do giấy khai sinh số 245
6. Lê-Nguyễn-Băng-Châu sinh ngày 03-04-1972 tại Xã Mỹ-Trà Cao-Lãnh
(KP) do giấy khai sinh số _____
7. Lê-Nguyễn-Nguyên-Vũ sinh ngày 24-10-1973 tại Xã Tân-An CL (KP)
do giấy khai sinh số _____
8. _____ sinh ngày _____ tại _____
do giấy khai sinh số _____
9. _____ sinh ngày _____ tại _____
do giấy khai sinh số _____
10. _____ sinh ngày _____ tại _____
do giấy khai sinh số _____

HIỆN NAY SỐNG CHUNG VỚI NHAU tại địa chỉ sau đây : Ấp. 6034

CHỨNG NHẬN ĐƯỢC TẠI Trung-Tâm-Sửa-Luyện Cao-Lãnh

Kiểm-định

Ngày 2

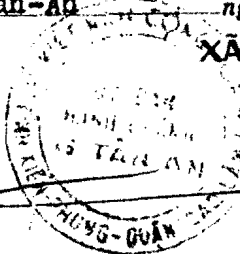
Tân-An

ngày 31 tháng 10 năm 1973

XÃ-TRƯỞNG,



PHÓ CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN AN

Phan Văn Long

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH KIẾN-PHONG
QUẬN CAO-LÃNH
XÃ TÂN-AN

TRÍCH - LỤC

CHUNG - THƯ HÔN - THƯ

Số hiệu 122

Tên họ người chồng LÊ - PHẠM - LÝ

Nghề-nghiệp Quân-Vũ

Sanh ngày 11 tháng 01 năm 1938

Tại Lô - Xá (Nam - Định)

Cư sở tại Trung-Tâm Trần-Quốc-Tồn, Xã Tân-An

Tạm trú tại Trung-Tâm Trần-Quốc-Tồn, Xã Tân-An

Tên họ cha chồng LÊ - PHẠM - NGUYỄN (sống)

Sống chết phải nói

Tên họ mẹ chồng VU - THỊ - NGÂN (sống)

Sống chết phải nói

Tên họ người vợ NGUYỄN - THỊ - KIM - THOA (Tân-Thoa)

Nghề-nghiệp Nội-Trợ

Sanh ngày 11 tháng 09 năm 1943

Tại Tĩnh-Thới (Cao-Lãnh)

Cư sở tại Trung-Tâm Trần-Quốc-Tồn, Xã Tân-An

Tạm trú tại Trung-Tâm Trần-Quốc-Tồn, Xã Tân-An

Tên họ cha vợ NGUYỄN - VĂN - TÂN (sống)

Sống chết phải nói

Tên họ mẹ vợ NGUYỄN - THỊ - LIÊU (sống)

Sống chết phải nói

Ngày cưới Ngày 11 tháng 10 năm một ngàn chín trăm

— Vợ chồng có hay không lập hôn khế / năm mười bốn

CHỖ

Xuất trình

Ngày 5

ngày 10

tháng

năm

ĐƠN PHƯƠNG TẠI



PHÓ CHỦ TỊCH

Thân Tân Lang

TRÍCH Y BÊN CHÍNH

Tân-An



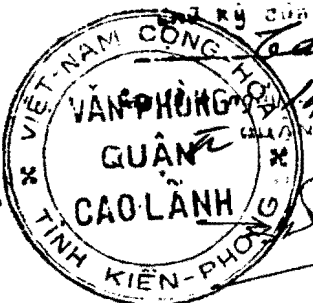
ngày 04

năm 1965

ỦY HỘ-TỊCH,

CHUNG-THẬT:

Ký của Hội-Đồng Xã:



Nhà in Thanh-Vân Cao-Lãnh

XUYỄN-MINH-BẠCH
Phó Đốc-Sự

ĐƠN XIN KHAI SINH

Kính gửi UBND

Phường 4 Quận Tân Bình
TP. Hồ Chí Minh

Họ, tên người đứng khai LÊ PHẠM LÝ tuổi 50
Nơi đăng ký thường trú 218 HOÀNG VĂN THỤ P4 Q. TB
Làm đơn xin khai sinh (1) LẠI cho TỐT như sau:
1 - Họ và tên LÊ PHẠM LÝ
2 - Sinh ngày 11 tháng 01 năm 1938 3 - Nam, hở
4 - Nơi sinh LÊ XÃ NAM ĐỊNH
5 - Họ và tên bố LÊ PHẠM NGUYỄN tuổi _____
- Nghề nghiệp _____
- Nơi ĐKNK thường trú ĐÃ CHẾT NĂM 1988
6 - Họ và tên mẹ VŨ THỊ NGÂN tuổi _____
- Nghề nghiệp _____
- Nơi ĐKNK thường trú ĐÃ CHẾT NĂM 1985
7 - Nay xin khai sinh với lý do BỊ THẤT LẠC GIẤY KHAI SINH SAU NGÀY 30 - 1 - 1975

Vậy đề nghị UBND xét và giải quyết cho LÊ PHẠM LÝ
được đăng ký sinh.

PHƯỜNG 4, ngày 5 tháng 3 năm 1990
Người khai ký

CÁN BỘ CƠ SỞ NƠI THƯỜNG TRÚ CHỨNG NHẬN:

Ông, bà LÊ PHẠM LÝ

Đề nghị UBND quận

xét và giải quyết.

Phụ Ngụy ngày 5 tháng 3 năm 1990

(Ký tên đóng dấu (nếu có)
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Long

Công An Quận Tân Bình.
Kê nhân: Lê phạm Ly, sinh ngày: 11.1.1938
tại: Lê Kha, Nam Định. Từng với Lê X
gốc: Trường Trú: 218 Hoàng Văn Thụ
phường 4 Q. Tân Bình.

Đời
Mg
Hra

Ngày 6.3.1990



Thieu 75 Ban

CỘNG AN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Phòng QLNN-XNC

161 Nguyễn Du, Q. 1

Số 0007925 BT

GIẤY BÁO TIN

③

Phòng Quản Lý Người Nước Ngoài, Xuất Nhập Cảnh Công An Thành Phố
Hồ Chí Minh.

Báo tin Ông, Bà Se Nuan Ly
cư ngụ tại 218 Hoàng Văn Thụ Q. TP.

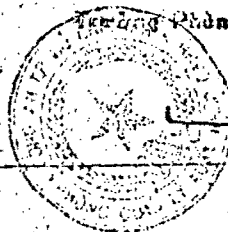
Hồ Sơ xin Xuất Cảnh đi nước Nhật của Ông, Bà
chúng tôi đã hoàn tất thủ tục và đã chuyển sang Cơ Quan Thị để xét cấp Thông
Hành, do danh sách số 47 ngày 25 tháng 4 năm 19890.

Xin báo đồ Ông, Bà tiện theo dõi.

Ngày 23 tháng 4 năm 19890

TL. Giám Đốc C.A.TP

Trưởng Phòng QLNN-XNC



Chức vụ

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

CPR ID: 519
RUN DATE: 05/05/82
PAGE NO. 141

ACRASHLET FOR FILE NUMBER (IV 041325)

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: LE PHAM LY

Other names used:

Sex: M DOB: (mcdgy) 01/11/38 COG: VN
Address in Vietnam:216 HOANG VAN THUY, P. 4, Q. TINH BIAN
T. P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

I Name: LE THI GAO

I DOB: (mcdgy) / / COG:

I Address:

I HUNTINGTON BEACH, CA 92646

I Tel. phone (Home): / / (Business): / /

I Category: REF PRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

Documentation

FALCON

MM DO YY SC BCT MC NET GVN PHOTO OTHER

NAME	Sex	DOB	PA	COG	FALCON	MM	DO	YY	SC	BCT	MC	NET	GVN	PHOTO	OTHER
1. LE PHAM LY	M	01 11 38	PA	VN											1
2. NGUYEN T. KIM THOA	F	09 11 43	PA	VN											2
3. LE N. TRINH NGUYEN	F	09 23 55	PA	VN											3
4. LE N. TRINH YEN	F	09 23 55	PA	VN											4
5. LE P. N. SAC NAM	M	10 29 67	SC	VN											5
6. LE N. VAN THUY	F	11 15 68	PA	VN											6
7. LE PHAM NGUYEN	M	05 22 71	SC	VN											7
8. LE N. BANG CHAU	F	04 03 72	PA	VN											8
9. LE N. NGUYEN VU	M	10 24 73	SC	VN											9
10															10
11															11
12															12
13															13
14															14

FOR OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 12 Priority Date: 11/11/75 S. 1 Sponsor to PA: SI I 130 FOR LOS SC BCT MC NET GVN PHOTO OTHER

VISA: 12/11/75

USC Entry/Training (Cat 2): 12/11/75 to 12/11/75

PA: 12/11/75 to 12/11/75

CVR/AVR: SVOL: 12/11/75 to 12/11/75 US Coast AND: 12/11/75 to 12/11/75

CAT 1 PRT: 12/11/75 FLUP: 12/11/75 OTHER: 12/11/75

CAT 2/3 PRT: 12/11/75 FLUP: 12/11/75 STAFF: 12/11/75

Reprint sys: 12/11/75 LOI sent: 12/11/75 NOTIFIED OF EXIT PERMIT: 12/11/75 PERMIT: 12/11/75 FEEDBACK LIST: 12/11/75

Other Actions: 12/11/75 Medical Problem: 12/11/75

VOLAG NAME: 12/11/75

VOLAG ASSUR: Sought: 12/11/75 Recd: 12/11/75 V. A. 12/11/75 MAN: 12/11/75 RECONF: Sought: 12/11/75 Recd: 12/11/75

POSSIBLE DURS: 12/11/75



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022637526**

Họ tên **LÊ NGUYỄN BANG-**
-CHÂU

Sinh ngày **1972**

Nguyên quán **Cao Lãnh,**
Đồng Tháp.

Nơi thường trú **218 Hoàng Văn**
Thụ P4, TB, TP. Hồ Chí Minh.



CHUNG NHẬN CHỨNG MINH

Xuất

Ngày **7** tháng **3** năm **1980**

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo không rõ hình d,
2cm r, 0,5cm c, 2cm
dưới mạp trái.

N. 26 tháng 02 năm 1990

GIÁM ĐỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



[Handwritten signature]
Trần Văn...



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022026272

Họ tên LÊ PHẠM LÝ

Sinh ngày 1-11-1938

Nguyên quán Hải Nam Ninh.

Nơi thường trú 216 Hoàng Văn
thụ, P.4, T.B, TP. Hồ Chí Minh



Số:

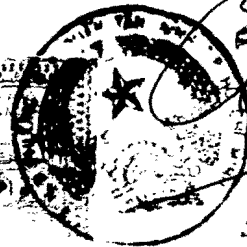
CHÍNH THẠNH GIỒNG Y BẢ CHINH

Xã hội chủ nghĩa UBND Phường 4

Ngày 2 tháng 3 năm 1980

UBND PHƯỜNG 4 TB.

ĐIỀU CHỨC TỊCH



Trần Văn Lang

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

**seo chạm cách lem
dưới sáu cánh mũi
phải.**

19 tháng 12 năm 1984

TRƯỞNG TY CÔNG AN

Thanh
Thanh Văn

NGON TRỎ TRAI

NGON TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022647667

Họ tên NGUYỄN THỊ KIM THOA

Sinh ngày 1943

Nguyên quán Đồng Tháp

Nơi thường trú 218 Hoàng Văn Thụ,
F4, TB, TP. Hồ Chí Minh.



Số: 3 AN CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ngày 3 tháng 4 năm 1982
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG
[Signature]

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm C, 3cm dưới
trước đuôi mắt trái.

Năm 28 tháng 02 năm 1990

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CỤC GIÁM ĐỐC QUỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Signature]
Văn Thế

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **D22734865**

Họ tên **LÊ NGUYỄN NGUYỄN-VŨ**

Sinh ngày **24-10-1973**

Nguyên quán **Hà Nam Ninh.**

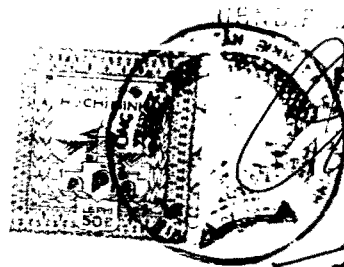
Nơi thường trú **218 Hoàng Văn
Thụ, P.4, TB, TP. Hồ Chí Minh.**

Số:

CHỨNG NHÂN CÔNG Y BẢN CHÍNH

Kiểm tra tại **TRƯỜNG 4**

Ngày **2/10/90**



PHÓ CHỦ TỊCH

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Thiên Chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc song dài 1cm ở
2cm trên sau mép trái



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 30 tháng 08 năm 1989



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Handwritten signature: Văn Sinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: G 22657334

Họ tên **LÊ PHẠM NGUYỄN**

Sinh ngày.....1971

Nguyên quán Cao Lãnh,
Đông Tháp.

Nơi thường trú 218 Hoàng Văn
Thụ P4, TB, TP. Hồ Chí Minh.

CHỦNG TẠO VÀ BAN CHỈNH

Page 4

Ngày 7. 3 năm 1989

UBNL 127-10-250



TICK

Phan Bội Châu

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thẳng dài 2cm
cách 3cm sau, cánh mũi
trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 26 tháng 02 năm 1990



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Văn Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022026181**

Họ tên **LÊ NGUYỄN TRINH-
NGUYỄN**

Sinh ngày **23-12-1965**

Nguyên quán **Đông Thạnh.**

Nơi thường trú **218 Hoàng Văn
Thụ, P.4, P.B, P.P, Hồ Chí Minh.**

CHỨNG NHẬN GIẤY BẢN CHÍNH
Xuất trình tại UBND Phường 4

Ngày **2** tháng **4** năm 19**80**

UBND PHƯỜNG 4 TB

PHÓ CHỦ TỊCH



Thân Văn Lang

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

3 eo thắt dài 2cm cao
2cm dư 1 dưới mắt
trái.

Ngày 19 tháng 12 năm 1984



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chức Văn

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022026119**

Họ tên **LÊ NGUYỄN TRINH YẾN**

Sinh ngày **23-9-1966**

Nguyên quán **Dong Thập.**

Nơi thường trú **210 Hoàng văn-
thụ, P.4, P.3, P.P. Hồ Chí Minh.**



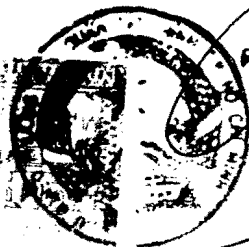
Số: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Ngày **2** tháng **3** năm **1980**

UBND. QUẬN 4 TB.



PHÓ CHỦ TỊCH

[Signature]

Thân Thiện Long

Dan tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sọc thẳng dài 0,5cm
cách 0,5cm sau mỗi
phải.

Ngày 16 tháng 12 năm 1984



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Chanh Van



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~022503501~~

Họ tên **LÊ NGUYỄN VĂN THỦY**

Sinh ngày **1-5-11-1968**

Nguyên quán **Hà Nam Ninh.**

Nơi thường trú **218 Hoàng Văn-
Thụ P.4, T/B, TP. Hồ Chí Minh.**

Số:

CHỖ AN GIANG Y BẢN CHÍNH

Xã - thôn - thị trấn UBND Phường 4

Ngày **2** tháng **3** năm **1980**

UBND. PHƯỜNG 4 TB.

PHÓ CHỦ TỊCH



Phó Chủ tịch

Dân tộc: kinh Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sọc chấm cách 2,5cm
trên sau mép trái.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 9 tháng 12 năm 1985

GIÁM ĐỐC ĐẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Handwritten signature]

Thanh Văn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH KIẾN - PHONG
QUẬN Cao-Lãnh
XÃ Tân-An

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 30 tháng 10 năm 1973

Số hiệu : 348



CHUNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH

Kuộc Trùng tại UBND Phường

Ngày 3 tháng 3 năm 1973

UBND. PHUONG 4 T

PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Văn Long

Tên họ đứa trẻ : Lê-Nguyên-Nguyên-Vũ
Con trai hay con gái : (Nam)
Ngày sinh : Hai-mươi bốn, tháng mười, năm một ngàn
chín trăm bảy mươi ba
Nơi sinh : Xã Tân-An Cao-Lãnh (AK)
Tên họ người cha : Lê-Phạm-Lý
Tên họ người mẹ : Nguyễn-Thị-Kim-Tha
Vợ chánh hay không có hôn thú số 122, lập ngày 05-10-1964 (một
chín trăm sáu mươi bốn) tại Xã Tân-An
Hôn thú :
Tên họ người đứng khai : Lê-Phạm-Lý

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Ngày 30 tháng 10 năm 1973

Xã-Trưởng kiêm Hộ Tịch,



NGUYỄN VĂN ANH



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANT

ODP IV # 041325 run out Aug 06, 1982

Date _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible.

Mail or send the completed questionnaire to:
Panjabum Building
127 Sathorn Tai Road
Bangkok 10120 Thailand.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA.

1. Name : LE PHAM LY Sex: Male
2. Other name : None
3. Date/Place of birth : Jan 11, 1938 in Le Xa, Nam Dinh
4. Residence address : 216 Hoang Van Thu St, P.4, Tan Binh, Ho Chi Minh City
5. Mailing address : c/o Le Thi Dao
Westminster, CA 92683, U.S.A.
6. Current occupation : Dressmaking

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME.

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: married (M), divorced (D), widowed (W) or single (S).

Names	Date of birth	Place of birth	Sex	Marital Status	Relationship
1. Nguyen Thi Kim Thoa	Sep 11, 1943	Kien Phong	F	Married	Wife
2. Le Nguyen Trinh Nguyen	Sep 23, 1965	-ibid-	F	Single	Daughter
3. Le Nguyen Trinh Yen	Sep 23, 1966	-ibid-	F	Single	Daughter
4. Le Pham Nguyen Bao Nam	Oct 29, 1967	Gia Dinh	M	Single	Son (a)
5. Le Nguyen Van Thuy Helene	Nov 15, 1968	Kien Phong	F	Single	Daughter
6. Le Pham Nguyen	May 22, 1971	Kien Phong	M	Single	Son
7. Le Nguyen Bang Chau	Apr 05, 1972	Kien Phong	F	Single	Daughter
8. Le Nguyen Nguyen Vu	Oct 24, 1973	Kien Phong	M	Single	Son

(a) Note: This boy's name is included in the ODP Worksheet and in my previous applications but he had died.

(Note: For the persons listed above we will need legible copies of birth certificate, marriage certificate (if married), divorce decree (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you please note their addresses in Section I below).

C. CLOSEST RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest relative in the US
 - a) Name : Le Thi Dao
 - b) Relationship : sister
 - c) Address :
Westminster, CA 92683
 - d) Date of relative arrival in the US :
in 1975
2. Closest relative in other foreign countries
 - a) name :

b) Relationship :
c) Address :

D. COMPLETE FAMILY LISTING, LIVING OR DEAD

1. Father : Le Pham Nguon, dead
2. Mother : Vu Thi Ngan, dead
3. Spouse : Nguyen Thi Kim Thoa
4. Former spouse : none
5. Children : Le Nguyen Trinh Nguyen
: Le Nguyen Trinh Yen
: Le Pham Nguyen Bac Nam, dead
: Le Nguyen Van Thuy Helene
: Le Pham Nguyen
: Le Nguyen Bang Chau
: Le Nguyen Nguyen Vu
6. Siblings : Le Pham Long
: Le Thi Lieu
: Le Pham Khanh
: Le Pham Xuan
: Le Duy

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS
BY YOU OR YOUR SPOUSE

Not applicable

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving : LE PHAM LY
2. Dates : from 1962 through Apr 30, 1975
3. Last rank : Major
Military service # 38/131546
Supply Officer for Cao Lanh Training
Center subordinate to the Department of
Instruction/ Joint General Staff
4. Ministry/Office/Military unit:
Cao Lanh Training Center subordinate to
the Department of Instruction/Joint
General Staff
5. Name of supervisor/C.O. : Lt Colonel PHAM VAN TU, Center Commander
6. Reason for separation : Apr 30, 1975 event
7. Name of American advisors: - Major CONGER in 1966
- Major BEACH in 1964
- Major SPENCER in 1970
- CPT SEA in 1970
8. US Training Course in Vietnam : None. But during the months which
preceded the Apr 30, 1975 event, I attended
a Logistics Course at the Logistics
School in Long Binh/Department of
Logistics.
9. US award or certificate : Commendation Letter from Brigadier
General COLIN, Senior Advisor to the
Department of Instructions

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM BY YOU OR YOUR SPOUSE

Not applicable

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

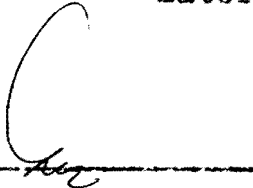
1. Name of person in reeducation : Le Phan Ly
2. Time in reeducation : from Jun 14, 1975 through Jan 31, 1981
Last camp: Tan Hiep/Bien Hoa

I. ADDITIONAL REMARKS

I may emphasize that this application is the umptenth one submitted to your office. I initiated the first one in 1983 and consecutively in the years of 1984, 1985, 1986.

As Vietnamese authorities have been adopting a relaxed system for emigration for former officers who had experienced significant time in reeducation, I may reactivate my humble application hubly requesting your assistance with the issuance of an LOI, that much requisite instrument to document our exit permit's file as being expressly requested by Vietnam Migration.

It will be greatly appreciated if you had the benevolence to give the favor to get that material.

Signature 

Date 18 Apr 1990

- J. ENCLOSURES.
- my reeducation release certificate
 - copy of our birth certificates
 - copy of our marriage certificate
 - copy of our post-1975 ID card (5 ea.)
 - our ID photos